

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò đá làm vật liệu xây dựng thông thường có thu hồi đá khối tại núi Ngang, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định” của Công ty TNHH Thanh Thành
(trữ lượng tính đến tháng 12 năm 2019)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, trình tự thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Theo Công văn số 2706/BTNMT-ĐCKS ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt trữ lượng trong Báo cáo kết quả thăm dò đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Ngang, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 19/GP-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Thanh Thành;

Xét kết quả hội nghị của Hội đồng thăm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản tỉnh ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 563/TTr-STNMT ngày 07/7/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua Báo cáo và phê duyệt trữ lượng tài nguyên khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường có thu hồi đá khối trong “Báo cáo kết quả thăm dò đá làm vật liệu xây dựng thông thường có thu hồi đá khối tại núi Ngang, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định” cho Công ty TNHH Thanh Thành, với các nội dung chính sau:

1. Diện tích thăm dò và diện tích phê duyệt trữ lượng là 2,19ha có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo công văn này.

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng đã tính trong Báo cáo như sau:

a. Trữ lượng khoáng sản chính đá xây dựng các loại (đá màu xám trắng phốt hồng nhạt - đá tím Phù Cát): 680.197 m³, trong đó:

- Cấp 121: 335.697 m³.

- Cấp 122: 344.500 m³.

Bao gồm 94.683 m³ đá khối làm ốp lát (chiếm 13,92%) và 585.514 m³ đá làm vật liệu xây dựng thông thường (chiếm 86,08%)

b. Khoáng sản phụ đất béc (đất tầng phủ) đi kèm: 205.875 m³.

3. Mức sâu các khối trữ lượng đá phê duyệt: trữ lượng cấp 121 đến cost +80m và trữ lượng cấp 122 đến cost +60m (cost đáy tính trữ lượng).

(Trữ lượng khoáng sản của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này).

4. Trong quá trình lập dự án đầu tư khai thác mỏ, nếu trữ lượng khoáng sản đưa vào thiết kế khai thác nhỏ hơn trữ lượng khoáng sản được phê duyệt thì Công ty có trách nhiệm báo cáo và đề nghị công nhận trữ lượng đưa vào thiết kế khai thác. Trữ lượng đưa vào thiết kế khai thác sẽ được Hội đồng thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét, quyết định. Phần trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác này sẽ là cơ sở để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ hoặc thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát, Chủ tịch UBND xã Cát Nhơn, Giám đốc Công ty TNHH Thanh Thành và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Cục Kiểm soát HKKS miền Trung;
- Lưu VP, K4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Châu

PHỤ LỤC 01

Tọa độ, diện tích thăm dò và diện tích phê duyệt trữ lượng mỏ đá xây dựng
tại núi Ngang, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định
(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số 2819.../QĐ-UBND
ngày 15 tháng 7...năm 2020 của UBND tỉnh Bình Định).

Diện tích thăm dò và diện tích phê duyệt trữ lượng là 2,19ha được giới hạn bởi các điểm góc có hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 111^0 múi chiều 6^0 như sau:

ĐIỂM	X(m)	Y(m)
1	1.547.358	298.773
2	1.547.364	298.893
3	1.547.215	298.911
4	1.547.159	298.786

PHỤ LỤC 02

Trữ lượng khoáng sản của từng khối, cấp trong “Báo cáo kết quả thăm dò đã làm vật liệu xây dựng thông thường có thu hồi đá khối tại núi Ngang, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định”

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số.../QĐ-UBND ngày... tháng... năm 2020 của UBND tỉnh Bình Định).

1. Trữ lượng khoáng sản chính đá xây dựng các loại (đá màu xám trắng phốt hồng nhạt - đá tím Phù Cát) là 680.197 m³:

Trữ lượng tính đến tháng 12 năm 2019

Số TT	Số hiệu khối - cấp trữ lượng	Diện tích mặt cắt tính trữ lượng (m ²)	Coste tính trữ lượng (m)	Chiều dài khối TL (m)	Trữ lượng đá VLXD (m ³)	
		S ₁ -S ₂			Cấp 121	Cấp 122
1	K1 - 121	5.280	+80	61	244.767	
		2.867	+80			
2	K2 - 121	2.867	+80	65	90.930	
		341	+80			
3	K3 - 122	3.400	+60	61		189.560
		2.824	+60			
4	K4 - 122	2.824	+60	65		154.940
		1.969	+60			
Cộng					335.697	344.500
Tổng trữ lượng đá xây dựng cấp 121 và 122:					680.197	

Bao gồm 94.683 m³ đá khối làm ốp lát (chiếm 13,92%) và 585.514 m³ đá làm vật liệu xây dựng thông thường (chiếm 86,08%).

2. Trữ lượng khoáng sản phụ đất bóc (đất tầng phủ) đi kèm: 205.875 m³.

Số TT	Số hiệu khối đất bóc	Trữ lượng đất bóc (m ³)
1	K1đb	107.479
2	K2đb	98.396
Tổng cộng		205.875

Hệ số đất bóc: 0,3